

Số: **73** /QĐ-SYT

Hưng Yên, ngày **17** tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa
bệnh tại phòng khám đa khoa Ecoclinic Văn Giang

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp Chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 892/2017/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Y tế;

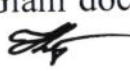
Căn cứ biên bản thẩm định; Biên bản họp tổ thẩm định xét duyệt cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngày 17 tháng 01 năm 2019;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý hành nghề y, dược tư nhân,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 132 danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh thuộc Chuyên khoa Nội, Sản, Nhi, Y học cổ truyền, Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh tại Phòng khám đa khoa Ecoclinic Văn Giang (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Giám đốc phòng khám đa khoa Ecoclinic Văn Giang chịu trách nhiệm thực hiện các kỹ thuật theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Thanh tra Y tế; Trưởng phòng: Nghiệp vụ y, Quản lý hành nghề; Trưởng phòng Y tế huyện Văn Giang và Giám đốc phòng khám đa khoa Ecoclinic Văn Giang căn cứ quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu :VT, QLHN.



Nguyễn Thị Anh

**DANH MỤC KỸ THUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TRONG PHÒNG KHÁM ĐA
KHOA ECOCLINIC VĂN GIANG**

(Ban hành 132 kỹ thuật KCB theo Quyết định số: **73** /QĐ-SYT ngày 17/01/2019 kèm theo
giấy phép hoạt động số: 280/HY-GPHĐ)

STT	TT43	TÊN KỸ THUẬT
		I. NỘI KHOA
		A. HÔ HẤP
1	1.	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
2	24.	Đo chức năng hô hấp
3	31.	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
4	32.	Khí dung thuốc giãn phế quản
		B. TIM MẠCH
5	85.	Điện tim thường
		D. TIÊU HÓA
6	339.	Thụt tháo phân
		E. CƠ XƯƠNG KHỚP
7	349.	Hút dịch khớp gối
8	363.	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm
		II. NHI KHOA
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC
		B. HÔ HẤP
9	77.	Đặt ống nội khí quản
10	106.	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
11	108.	Thở oxy gọng kính
12	110.	Thở oxy qua mặt nạ có túi
13	113.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
		C. THẬN- LỌC MÁU
14	133.	Thông tiểu
15	134.	Hồi sức chống sốc
		E. TOÀN THÂN
16	201.	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
17	202.	Băng bó vết thương
18	203.	Cầm máu (vết thương chảy máu)
19	210.	Tiêm truyền thuốc
		XIII. NỘI KHOA
		C. TIÊU HÓA
20	2357.	Thụt tháo phân
21	2359.	Nong hậu môn



		E. DỊ ỨNG, MIỄN DỊCH LÂM SÀNG
22	2382.	Test lấy da (Prick test) với các loại thuốc
		XIII. PHỤ SẢN
		A. SẢN KHOA
23	40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
24	41	Khám thai
25	48	Nong cổ tử cung do bế sản dịch
26	49	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ
27	50	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút
28	52	Khâu vòng cổ tử cung
29	53	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung
		B. PHỤ KHOA
30	148	Lấy dị vật âm đạo
31	155	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn
32	156	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính
33	163	Chích áp xe vú
34	165	Khám phụ khoa
35	166	Soi cổ tử cung
36	167	Làm thuốc âm đạo
		Đ. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
37	228	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
		E. PHÁ THAI
38	239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần
39	241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không
		VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN
		A. KỸ THUẬT CHUNG
40	5	Điện châm
41	6	Thủy châm
42	10	Chích lễ
43	13	Kéo nắn cột sống cổ
44	14	Kéo nắn cột sống thắt lưng
45	20	Xông hơi thuốc
46	19	Xông thuốc bằng máy
47	24	Ngâm thuốc YHCT bộ phận
		K. GIÁC HƠI
48	481	Giác hơi điều trị các chứng đau
49	482	Giác hơi điều trị cảm cúm
		XVIII. ĐIỆN QUANG
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN
		1. Siêu âm vùng cổ, ngực

50	1	Siêu âm tuyến giáp
51	4	Siêu âm hạch vùng cổ
		3. Siêu âm ổ bụng
52	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)
53	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)
		4. Siêu âm sản phụ khoa
54	31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo
		5. Siêu âm cơ xương khớp
55	43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)
56	44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)
		6. Siêu âm tim, mạch máu
57	45	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới
58	48	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ
		7. Siêu âm vú
59	54	Siêu âm tuyến vú hai bên
		8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam
60	57	Siêu âm tinh hoàn hai bên
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy
61	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng
62	72	Chụp Xquang Blondeau
63	73	Chụp Xquang Hirtz
64	78	Chụp Xquang Schuller
65	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng
66	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng
67	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng
68	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng
69	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng
70	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch
71	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng
72	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch
73	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch
74	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên
75	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng
76	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng
77	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch
78	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng
79	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch
80	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch

81	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng
82	119	Chụp Xquang ngực thẳng
83	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên
84	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng
		XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU
		C. TẾ BÀO HỌC
85	119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)
86	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trừ)
87	149	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)
88	150	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU
89	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)
90	292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)
		XXIII. HÓA SINH
		A. MÁU
91	3	Định lượng Acid Uric
92	7	Định lượng Albumin
93	10	Đo hoạt độ Amylase
94	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)
95	20	Đo hoạt độ AST (GOT)
96	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp
97	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp
98	27	Định lượng Bilirubin toàn phần
99	29	Định lượng Calci toàn phần
100	41	Định lượng Cholesterol toàn phần
101	51	Định lượng Creatinin
102	75	Định lượng Glucose
103	77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)
104	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)
105	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)
106	133	Định lượng Protein toàn phần
107	143	Định lượng Sắt
108	158	Định lượng Triglycerid
109	166	Định lượng Urê
		B NƯỚC TIỂU
110	176	Định lượng Axit Uric
111	179	Định tính beta hCG (test nhanh)
112	188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)
113	193	Định tính Opiate (test nhanh)
114	194	Định tính Morphin (test nhanh)

115	195	Định tính Codein (test nhanh)
116	196	Định tính Heroin (test nhanh)
117	206	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)
		XXIV. VI SINH
		A. VI KHUẨN
		1. Vi khuẩn chung
118	1	Vi khuẩn nhuộm soi
		4. Neisseria gonorrhoeae
119	49	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nhuộm soi
		6. Các vi khuẩn khác
120	60	<i>Chlamydia</i> test nhanh
		2. Hepatitis virus
121	117	HBsAg test nhanh
122	144	HCV Ab test nhanh
		3. HIV
123	169	HIV Ab test nhanh
		4. Dengue virus
124	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh
		7. Các virus khác
125	249	Rotavirus test nhanh
		C. KÝ SINH TRÙNG
		1. Ký sinh trùng trong phân
126	263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi
127	264	Hồng cầu trong phân test nhanh
128	266	Đơn bào đường ruột nhuộm soi
129	267	Trứng giun, sán soi tươi
130	269	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) ấu trùng soi tươi
131	270	<i>Cryptosporidium</i> test nhanh
		D. VI NẤM
132	321	Vi nấm nhuộm soi

Hưng Yên, ngày 17 tháng 01 năm 2019

DÁCH SÁCH
NHÂN SỰ ĐĂNG KÝ THAM GIA KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH TRONG
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA ECOCLINIC VĂN GIANG

TT	Họ tên	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số CCHN	Thời gian đăng ký làm việc	Vị trí chuyên môn
1	Nguyễn Đức Hiền	Bác sĩ	0001534/HY-CCHN	8h/ngày	Giám đốc TK Nội
2	Nguyễn Đình Cường	Bác sĩ	003566/HY-CCHN	8h/ngày	TK Nhi
3	Vương Xuân Vịnh	Bác sĩ	0003883/HY-CCHN	8h/ngày	TKCDHA
4	Quách Thị Huyền	Bác sĩ	003567/HY-CCHN	8h/ngày	TKYHCT
5	Mạc Văn Kỳ	Cử nhân XN	004166/HD-CCHN	8h/ngày	TK XN
6	Đường Thị Duyên	Bác sĩ	003167/LS-CCHN	8h/ngày	TK Sản
7	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Kỹ thuật viên xét nghiệm	004180/HY-CCHN	8h/ngày	Nhân viên
8	Nguyễn Thị Quỳnh	Điều dưỡng	4257/BN/CCHN	8h/ngày	Nhân viên
9	Trần Thị Thủy	Điều dưỡng	005582/BG-CCHN	8h/ngày	Nhân viên
10	Nguyễn Thị Phương	Điều dưỡng	4260/BN-CCHN	8h/ngày	Nhân viên
11	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Điều dưỡng	Học việc	8h/ngày	Nhân viên
12	Nguyễn Thị Thu Hà	Điều dưỡng	Học việc	8h/ngày	Nhân viên
13	Trịnh Thị Thu Hà	Điều dưỡng	Học việc	8h/ngày	Nhân viên
14	Đào Công Dũng	Điều dưỡng	Học việc	8h/ngày	Nhân viên

Hưng Yên, ngày 17 tháng 01 năm 2019 